

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHOÁ 19C1, 19C3
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG, HỆ CHÍNH QUY
ĐỢT 1 (THÁNG 4/2022)**

(Kèm theo Quyết định số 173/QĐ-LTT-ĐT ngày 05 tháng 4 năm 2022
của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn
1	16002636	Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	22/05/1998	Bình Phước	16CĐ-ĐCN1	5,64	Trung bình		
2	16003212	Võ Quốc	Thịnh	Nam	03/06/1998	Bình Định	16CĐ-ĐCN2	5,61	Trung bình	A	B
3	16001220	Trần Văn	Thuận	Nam	10/10/1998	Lâm Đồng	16CĐ-ĐL1	6,57	Trung bình		B
4	16003019	Rô Đa Ka	Lập	Nam	20/5/1998	Lâm Đồng	16CĐ-CĐ1	6,05	Trung bình		B
5	16000833	Điền	Túc	Nam	19/05/1998	Bình Phước	16CĐ-CĐT1	6,30	Trung bình		B
6	16003600	Phan Phi	Đoàn	Nam	27/03/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-CTM3	6,06	Trung bình	A	B
7	16002357	Nguyễn Hồng	Son	Nam	07/03/1998	Đắk Lắk	16CĐ-Ô6	6,32	Trung bình		B
8	16000838	Lê Văn	Nhã	Nam	14/08/1997	Long An	16CĐ-Ô10	6,46	Trung bình	A	B
9	16003664	Nguyễn Thị Thanh	Nhân	Nữ	01/11/1998	Đồng Nai	16CĐ-MTT1	6,38	Trung bình	A	
10	16001195	Trần Mạnh	Tường	Nam	26/07/1998	Khánh Hoà	16CĐ-TP1	6,41	Trung bình		B
11	17001103	Lê Quang Sơn	Lâm	Nam	19/12/1999	Bình Thuận	17C1-ĐCN3	5,69	Trung bình	A	B
12	17002993	Phan Minh	Trí	Nam	25/03/1999	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-ĐCN3	6,40	Trung bình		
13	17003497	Trần Thanh	Tuyển	Nam	26/10/1999	Quảng Ngãi	17C1-ĐCN3	6,21	Trung bình		B
14	17003766	Lê Minh	Thường	Nam	04/02/1997	Trà Vinh	17C1-ĐCN4	5,94	Trung bình	A	B
15	17001894	Huỳnh Hữu	Nhật	Nam	11/07/1999	Bình Định	17C1-ĐĐT1	6,64	Trung bình	A	B
16	17003875	La Tuấn	Kiệt	Nam	06/04/1999	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-ĐĐT4	6,97	Trung bình	A	B
17	17000887	Trần Cao	Minh	Nam	17/11/1997	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-ĐĐT4	5,70	Trung bình	A	B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn
18	17004405	Nguyễn Trần Minh	Nhật	Nam	17/07/1999	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-CNL1	6,59	Trung bình	A	
19	17003954	Nguyễn Thái	Nam	Nam	27/05/1999	Bình Định	17C1-KML2	6,29	Trung bình	A	
20	17002625	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	23/06/1999	Bình Định	17C1-CCK5	6,28	Trung bình		B
21	17003074	Nguyễn Lê	Lân	Nam	12/10/1999	Phú Yên	17C1-CCK6	5,58	Trung bình	A	B
22	17004590	Nguyễn Phước	Hiền	Nam	14/05/1999	Cần Thơ	17C1-CCK8	5,95	Trung bình		
23	17000842	Nguyễn Trần Thành	Ý	Nam	02/11/1999	Long An	17C1-CNÔ2	5,77	Trung bình		B
24	17001362	Hồ Ngọc	Phát	Nam	22/04/1999	Long An	17C1-CNÔ6	6,04	Trung bình	A	
25	17001801	Lê Hữu	Nhân	Nam	09/07/1999	Tiền Giang	17C1-CNÔ9	6,50	Trung bình	A	B
26	17003145	Nguyễn Tấn	Nhân	Nam	01/03/1999	Sóc Trăng	17C1-CNÔ13	6,37	Trung bình	A	B
27	17002264	Đào Phi	Long	Nam	10/03/1999	Bình Thuận	17C1-CMT1	6,06	Trung bình		B
28	17004406	Mai Hoàng	Quân	Nam	01/03/1998	An Giang	17C1-CMT1	6,11	Trung bình		B
29	17003030	Hồ Tú Chí	Hùng	Nam	19/05/1994	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-LTM1	6,48	Trung bình		B
30	17003329	Nguyễn Đăng	Nghĩa	Nam	07/11/1998	Bình Phước	17C1-THU1	6,52	Trung bình		
32	18002994	Vũ Đỗ Minh	Mẫn	Nam	25/01/2000	Cần Thơ	18C1-CĐT1	6,05	Trung bình		B
32	18001852	Đặng Quốc	Bảo	Nam	29/08/2000	Tây Ninh	18C1-ĐCN1	6,03	Trung bình	A	B
33	18001924	Lê Tấn	Hung	Nam	25/07/2000	Long An	18C1-ĐCN1	5,89	Trung bình	A	B
34	18002227	Lê Linh	Nhật	Nam	07/05/2000	Long An	18C1-ĐCN1	6,38	Trung bình	A	B
35	18001864	Nguyễn Thanh	Sơn	Nam	26/01/2000	Trà Vinh	18C1-ĐCN1	6,15	Trung bình		
36	18002115	Hồ Văn Hữu	Phước	Nam	12/08/2000	Long An	18C1-ĐCN1	5,99	Trung bình	A	B
37	18002552	Lê Quốc	Toàn	Nam	24/07/2000	Tây Ninh	18C1-ĐCN1	6,16	Trung bình		B
38	18002003	Huỳnh Văn	Trong	Nam	24/06/1998	Bến Tre	18C1-ĐCN1	6,28	Trung bình		B
39	18003182	Phạm Đăng	Khoa	Nam	24/08/2000	Long An	18C1-ĐCN2	5,93	Trung bình	A	B
40	18003088	Lê Hồng	Phương	Nam	19/12/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-ĐCN2	6,02	Trung bình	A	B
41	18003185	Lê Minh	Sang	Nam	07/01/2000	Tây Ninh	18C1-ĐCN2	6,27	Trung bình	A	B
42	18003947	Hồ Thành	Sắc	Nam	10/06/2000	Bình Định	18C1-ĐCN3	5,84	Trung bình	A	B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn
43	18003309	Vũ Duy	Thành	Nam	20/05/2000	Bình Phước	18C1-ĐCN3	5,75	Trung bình	A	B
44	18004251	Huỳnh Trọng	Quý	Nam	18/01/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-ĐCN4	6,02	Trung bình	A	B
45	18004129	Trần Hoàng	Tuyên	Nam	07/09/1999	Đăk Nông	18C1-ĐCN4	6,20	Trung bình	A	B
46	18003305	Phan Gia	Bình	Nam	09/11/1998	Long An	18C1-ĐĐT1	5,66	Trung bình	A	B
47	18001954	Đinh Lê	Hoàng	Nam	20/03/2000	Ninh Thuận	18C1-ĐĐT1	6,13	Trung bình	A	B
48	18002128	Nguyễn Gia	Huy	Nam	12/04/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-ĐĐT1	6,04	Trung bình	A	B
49	18002245	Vũ Quang	Huy	Nam	05/09/2000	Bà Rịa-Vũng Tàu	18C1-ĐĐT1	5,85	Trung bình	A	B
50	18001761	Phạm Minh	Quân	Nam	04/11/2000	Bình Phước	18C1-ĐĐT1	6,12	Trung bình	A	B
51	18003941	Trần Ngọc	Thời	Nam	24/06/2000	Quảng Ngãi	18C1-ĐĐT1	5,79	Trung bình	A	B
52	18003458	Trần Anh	Kiệt	Nam	16/01/2000	Bến Tre	18C1-ĐĐT2	6,00	Trung bình		B
53	18003495	Nguyễn Hoàng	Long	Nam	20/03/2000	Vĩnh Long	18C1-ĐĐT2	6,71	Trung bình	A	B
54	18003651	Phạm Hữu	Phúc	Nam	14/01/2000	Quảng Ngãi	18C1-ĐĐT2	6,36	Trung bình	A	B
55	18004759	Trần Ngọc	Quý	Nam	10/10/1998	Lâm Đồng	18C1-ĐĐT3	6,37	Trung bình	A	B
56	18005120	Phạm Duy	Khánh	Nam	01/04/1999	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-TĐH1	6,28	Trung bình		B
57	18004220	Nguyễn Phước	Tiến	Nam	25/07/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-TĐH1	6,15	Trung bình		B
58	18003439	Đỗ Quyết	Tiến	Nam	05/04/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-TĐH1	6,04	Trung bình	A	B
59	18003937	Ngô Tuấn	Khoa	Nam	04/09/1999	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-CNL1	5,98	Trung bình	A	B
60	18004929	Nguyễn Phúc	Chấn	Nam	22/01/2000	Vĩnh Long	18C1-KML2	6,64	Trung bình	A	B
61	18002326	Lê Hòa	Đông	Nam	08/05/2000	Bến Tre	18C1-KML2	6,31	Trung bình	A	
62	18004419	Lê Quang Phúc	Tiền	Nam	22/03/1997	An Giang	18C1-KML2	6,94	Trung bình		
63	18001528	Nguyễn Hải	Triều	Nam	02/02/2000	Tây Ninh	18C1-VSL1	6,30	Trung bình	A	B
64	18003275	Nguyễn Thanh	Lam	Nam	19/03/2000	Quảng Ngãi	18C1-VSL2	6,73	Trung bình	A	B
65	18003720	Bùi Đình	Long	Nam	13/10/2000	Bình Phước	18C1-VSL2	7,30	Khá	A	B
66	18003568	Cao Nhựt	Long	Nam	17/07/2000	Bình Thuận	18C1-VSL2	6,95	Trung bình	A	B
67	18003668	Võ Trung	Tấn	Nam	06/07/2000	Quảng Ngãi	18C1-VSL2	6,25	Trung bình		B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn
68	18003428	Nguyễn Thành	Tuân	Nam	13/10/2000	Quảng Ngãi	18C1-VSL2	6,48	Trung bình		
69	18004195	Nguyễn Văn Trung	Kiên	Nam	16/06/2000	Long An	18C1-VSL3	6,53	Trung bình		B
70	18003992	Hoàng Nhất	Khiêm	Nam	19/08/2000	Bình Phước	18C1-BCN1	6,54	Trung bình	A	B
71	18002932	Ngô Nhựt	Tân	Nam	30/10/2000	Cà Mau	18C1-BCN1	6,52	Trung bình	A	
72	18005262	Nguyễn Lương	Tuấn	Nam	04/07/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-BCN1	7,10	Khá	A	B
73	18001649	Hồ Văn	Trường	Nam	27/11/1999	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-CCK1	6,69	Trung bình	A	B
74	18001872	Phùng Thanh	Vũ	Nam	23/11/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-CCK1	6,41	Trung bình	A	B
75	18002319	Dương Trọng	Nghĩa	Nam	28/08/2000	Bến Tre	18C1-CCK2	6,38	Trung bình		B
76	18002355	Nguyễn Minh	Sang	Nam	16/04/2000	Bình Dương	18C1-CCK2	6,47	Trung bình		B
77	18002918	Võ Minh	Khôi	Nam	07/02/2000	An Giang	18C1-CCK3	6,61	Trung bình		B
78	18002587	Lê Hoàng	Linh	Nam	21/10/2000	Long An	18C1-CCK3	6,04	Trung bình		B
79	18002846	Hà Huỳnh Phú	Lộc	Nam	24/04/2000	Long An	18C1-CCK3	5,83	Trung bình	A	
80	18004529	Ngô Hữu	Nghị	Nam	12/08/2000	Khánh Hoà	18C1-CCK3	6,39	Trung bình	A	B
81	18002996	Nguyễn Quốc	Trường	Nam	29/05/2000	Long An	18C1-CCK3	6,75	Trung bình	A	B
82	18003065	Nguyễn Thái	Quang	Nam	20/09/2000	Bình Định	18C1-CCK4	6,88	Trung bình	A	B
83	18003717	Lê Việt	Anh	Nam	07/06/1999	Quảng Ngãi	18C1-CCK5	6,61	Trung bình	A	B
84	18004561	Huỳnh Đông	Huy	Nam	26/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-CCK5	6,21	Trung bình	A	
85	18003724	Nguyễn Văn	Sang	Nam	12/08/2000	Đồng Nai	18C1-CCK5	6,35	Trung bình	A	B
86	18004076	Nguyễn Quốc	Cường	Nam	13/09/2000	Tiền Giang	18C1-CCK6	6,22	Trung bình		B
87	18003811	Nguyễn Đông	Đô	Nam	09/05/2000	Long An	18C1-CCK6	6,56	Trung bình	A	B
88	18003978	Nguyễn Tấn	Lộc	Nam	22/06/2000	Tiền Giang	18C1-CCK6	6,38	Trung bình	A	
89	18004097	Đỗ Đình	Mạnh	Nam	20/05/2000	Thanh Hoá	18C1-CCK6	6,43	Trung bình	A	B
90	18004265	Phạm Thành Nguyên	Linh	Nam	23/10/2000	Bến Tre	18C1-CCK7	6,73	Trung bình	A	B
91	18004442	Hoàng Phi	Nam	Nam	16/01/2000	Đắk Lắk	18C1-CCK7	5,94	Trung bình		B
92	18004351	Quách Minh	Nhựt	Nam	06/06/2000	Sóc Trăng	18C1-CCK7	5,92	Trung bình	A	B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn
93	18004951	Võ Hữu	Thắng	Nam	21/10/2000	Lâm Đồng	18C1-CCK7	6,44	Trung bình		B
94	18004239	Trần Hoàng	Thiện	Nam	19/07/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-CCK7	5,98	Trung bình	A	B
95	18004196	Tăng Nguyễn Thiện	Toàn	Nam	04/02/2000	Bình Thuận	18C1-CCK7	6,42	Trung bình	A	B
96	18004603	Liêng Hót Ha	Khuong	Nam	19/04/2000	Lâm Đồng	18C1-CTM1	6,93	Trung bình	A	B
97	18005418	Nguyễn Trung	Nghĩa	Nam	23/10/2000	Thái Bình	18C1-CTM1	6,13	Trung bình	A	
98	18005009	Lơ Mu Se	Pha	Nam	02/07/2000	Lâm Đồng	18C1-CTM1	6,47	Trung bình	A	B
99	18002493	Danh Tấn	Phi	Nam	28/06/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-CTM1	6,02	Trung bình	A	B
100	18003641	Vũ Thành	Trung	Nam	01/05/2000	Bình Phước	18C1-CTM1	6,31	Trung bình	A	B
101	18000008	Dương Thanh	Hào	Nam	24/03/1999	Sóc Trăng	18C1-CNÔ1	5,93	Trung bình		
102	18003654	Nguyễn Minh	Chánh	Nam	22/04/2000	Bình Phước	18C1-CNÔ3	6,20	Trung bình		
103	18001535	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	16/04/2000	Bình Định	18C1-CNÔ3	6,28	Trung bình	A	B
104	18001590	Lê Đức	Thắng	Nam	27/10/1999	Tây Ninh	18C1-CNÔ3	6,06	Trung bình	A	B
105	18003714	Nguyễn Mậu Ngọc	Hải	Nam	12/08/2000	Bà Rịa-Vũng Tàu	18C1-CNÔ4	5,94	Trung bình	A	B
106	18001646	Vũ Duy	Khuong	Nam	07/10/2000	Cà Mau	18C1-CNÔ4	6,71	Trung bình	A	B
107	18001667	Lê Thanh	Tùng	Nam	22/05/2000	Quảng Ngãi	18C1-CNÔ4	6,72	Trung bình	A	B
108	18001891	Nguyễn Trường	Giang	Nam	26/03/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-CNÔ6	6,58	Trung bình	A	B
109	18001888	Phạm Võ Tấn	Huy	Nam	13/04/2000	Bến Tre	18C1-CNÔ6	6,08	Trung bình	A	B
110	18001905	Nguyễn Thành	Trung	Nam	23/08/1998	Bến Tre	18C1-CNÔ6	6,06	Trung bình	A	B
111	18002105	Nguyễn Lý	Hùng	Nam	19/05/2000	Tây Ninh	18C1-CNÔ8	6,29	Trung bình	A	B
112	18002127	Đặng Hoàng	Nam	Nam	18/01/2000	Tây Ninh	18C1-CNÔ8	6,53	Trung bình		B
113	18002063	Lê Văn	Nhàn	Nam	06/11/2000	Bình Thuận	18C1-CNÔ8	6,23	Trung bình		
114	18002107	Võ Trí	Phước	Nam	23/10/1999	Tây Ninh	18C1-CNÔ8	6,17	Trung bình		B
115	18002031	Nguyễn Lâm Thanh	Tuấn	Nam	18/10/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-CNÔ8	6,49	Trung bình		B
116	18001236	Võ Hoàng	Long	Nam	19/05/2000	Quảng Ngãi	18C1-CNÔ10	6,41	Trung bình	A	B
117	18002353	Lương Thành	Nguyên	Nam	10/02/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-CNÔ10	7,29	Khá	A	B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn
118	18002477	Nguyễn Hữu	Đức	Nam	08/10/2000	Long An	18C1-CNÔ11	6,47	Trung bình		B
119	18002529	Huỳnh Trung	Bảo	Nam	05/11/2000	Tây Ninh	18C1-CNÔ12	5,89	Trung bình	A	B
120	18002545	Trần Quốc	Bảo	Nam	12/10/2000	Bình Thuận	18C1-CNÔ12	6,03	Trung bình	A	B
121	18002553	Võ Quốc	Khánh	Nam	25/09/2000	Long An	18C1-CNÔ12	5,87	Trung bình		
122	18002546	Nguyễn Phương Nhật	Long	Nam	29/09/2000	Gia Lai	18C1-CNÔ12	6,08	Trung bình	A	B
123	18002544	Phan Nhật	Minh	Nam	16/05/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-CNÔ12	6,15	Trung bình		
124	18003081	Võ Thanh	Phương	Nam	01/01/2000	Đồng Tháp	18C1-CNÔ12	6,18	Trung bình		B
125	18002844	Trần Chí	Nhân	Nam	31/12/2000	Tiền Giang	18C1-CNÔ13	6,29	Trung bình		
126	18002821	Nguyễn Văn	Thật	Nam	12/07/2000	Thanh Hoá	18C1-CNÔ13	5,93	Trung bình		B
127	18002968	Lê Quốc	Đạt	Nam	30/12/2000	Tây Ninh	18C1-CNÔ14	5,97	Trung bình		B
128	18002907	Lê Văn Trung	Hậu	Nam	05/08/1999	Long An	18C1-CNÔ14	6,29	Trung bình		B
129	18002905	Võ Minh	Nhật	Nam	12/02/1998	Vĩnh Long	18C1-CNÔ14	6,33	Trung bình	A	B
130	18003007	Lê Văn	Trí	Nam	09/09/1999	Cà Mau	18C1-CNÔ14	6,39	Trung bình	A	B
131	18002890	Lâm Xuân	Trúc	Nam	25/10/2000	Tây Ninh	18C1-CNÔ14	6,32	Trung bình	A	B
132	18002978	Nguyễn Hữu	Tường	Nam	26/01/2000	Bến Tre	18C1-CNÔ14	6,15	Trung bình	A	B
133	18003143	Ngô Gia	Thịnh	Nam	06/04/1998	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-CNÔ15	6,16	Trung bình	A	
134	18003370	Trần Thành	Nhân	Nam	09/12/2000	Quảng Nam	18C1-CNÔ16	6,58	Trung bình	A	B
135	18004851	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	02/10/2000	Tây Ninh	18C1-CNM1	6,60	Trung bình	A	B
136	18003496	Lê Bảo	Châu	Nữ	05/02/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-KTD1	6,51	Trung bình	A	B
137	18004941	Lê Thị Thúy	Nga	Nữ	17/12/2000	Tây Ninh	18C1-KTD1	6,69	Trung bình	A	B
138	18003650	Phạm Hoàng Thanh	Thảo	Nữ	11/08/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-KTD2	6,25	Trung bình		B
139	18004523	Bùi Ngọc	Bình	Nam	07/05/1997	Bình Thuận	18C1-KXD1	6,40	Trung bình		B
140	18004492	Nguyễn Văn	Kiên	Nam	27/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-KXD1	5,98	Trung bình		B
141	18003498	Trần Quang	Linh	Nam	15/01/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-KXD1	6,06	Trung bình		B
142	18003554	Nguyễn Bá Anh	Lượng	Nam	01/02/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-KXD1	6,01	Trung bình		B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn
143	18001780	Huỳnh Anh	Phong	Nam	29/08/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-KXD1	6,02	Trung bình		B
144	18005019	Nguyễn Thanh	Sang	Nam	27/02/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-KXD1	6,16	Trung bình	A	B
145	18001020	Nguyễn Lê Tiến	Thịnh	Nam	24/11/1999	Bình Thuận	18C1-KXD1	6,08	Trung bình	A	B
146	18001715	Phạm Lê Thành	Tín	Nam	05/11/2000	Bình Thuận	18C1-KXD1	5,74	Trung bình		B
147	18004922	Nguyễn Minh	Toán	Nam	10/05/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-KXD1	5,89	Trung bình		B
148	18002823	Nguyễn Văn	Tú	Nam	03/01/2000	Bình Thuận	18C1-KXD1	5,95	Trung bình		B
149	18005474	Nguyễn Hồng	Hiếu	Nam	24/10/1999	Lâm Đồng	18C1-NNA1	6,50	Trung bình	A	A
150	18002464	Phạm Thanh	Hùng	Nam	24/06/2000	Bình Phước	18C1-NNA1	7,77	Khá	A	A
151	18004591	Chu Đức	Huy	Nam	17/12/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-CMT1	6,15	Trung bình		
152	19004360	Lương Thị Kim	Anh	Nữ	12/11/2001	Phú Yên	19C1-KTD1	6,77	Trung bình		
153	19004017	Phan Thị Quế	Anh	Nữ	26/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-KTD1	7,06	Khá	A	B
154	19004406	Võ Thị Kim	Cúc	Nữ	15/09/2000	Quảng Ngãi	19C1-KTD1	6,52	Trung bình		B
155	19003832	Phan Tấn	Đạt	Nam	11/09/2000	Bình Dương	19C1-KTD1	6,67	Trung bình		
156	19004133	Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	15/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-KTD1	6,90	Trung bình		B
157	19000584	Bùi Mỹ	Duyên	Nữ	25/10/2000	Trà Vinh	19C1-KTD1	7,21	Khá	A	
158	19004575	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	14/02/2000	Long An	19C1-KTD1	7,43	Khá		B
159	19002199	Nguyễn Thị Cẩm	Giang	Nữ	27/08/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-KTD1	7,34	Khá		B
160	19002846	Hà Thị Thuý	Hằng	Nữ	15/02/1999	Hà Nội	19C1-KTD1	7,79	Khá		B
161	19003755	Lê Thị Mỹ	Hiệp	Nữ	21/03/2001	Bình Định	19C1-KTD1	7,13	Khá		
162	19004491	Nguyễn Minh	Hoàng	Nam	05/10/1999	Đồng Nai	19C1-KTD1	8,54	Giỏi		
163	19005103	Trịnh Thu	Hương	Nữ	11/04/2001	Tây Ninh	19C1-KTD1	8,04	Giỏi	A	B
164	19003191	Lê Thị Như	Huỳnh	Nữ	19/10/2001	Tây Ninh	19C1-KTD1	8,17	Giỏi	A	B
165	19000528	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	20/08/1995	Nghệ An	19C1-KTD1	7,81	Khá	A	B
166	19002018	Nguyễn Phi	Long	Nam	01/04/2000	Cần Thơ	19C1-KTD1	8,44	Giỏi		
167	19004207	Nguyễn Thành	Long	Nam	25/04/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-KTD1	7,37	Khá		B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn
168	19004416	Phạm Thị	Mơ	Nữ	03/02/2001	Hà Nam	19C1-KTD1	6,90	Trung bình		B
169	19002977	Lê Thị Kim	Ngân	Nữ	19/06/2000	Tiền Giang	19C1-KTD1	7,30	Khá		B
170	19004040	Nguyễn Thị Thu	Ngân	Nữ	10/05/2001	Long An	19C1-KTD1	6,84	Trung bình		B
171	19002806	Phan Thị Kiều	Ngân	Nữ	24/02/2001	Long An	19C1-KTD1	6,84	Trung bình		B
172	19003020	Phan Thị Thanh	Ngân	Nữ	16/11/2001	Long An	19C1-KTD1	7,26	Khá		
173	19004400	Trần Hạnh Đông	Nghi	Nữ	02/03/2001	Đồng Nai	19C1-KTD1	8,56	Giỏi		
174	19002657	Trần Thị Bích	Nguyên	Nữ	18/10/2001	Quảng Ngãi	19C1-KTD1	8,44	Giỏi	A	B
175	19004263	Trần Thị Thanh	Nguyên	Nữ	16/11/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-KTD1	8,58	Giỏi	A	B
176	19002835	Lê Nguyễn Thanh	Nhàn	Nữ	07/05/2000	Bà Rịa-Vũng Tàu	19C1-KTD1	6,24	Trung bình		
177	19002826	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	18/12/2001	Nghệ An	19C1-KTD1	6,56	Trung bình		B
178	19004013	Trương Thị Hồng	Phấn	Nữ	06/05/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-KTD1	7,36	Khá	A	
179	19004692	Nguyễn Thanh	Sang	Nam	26/11/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-KTD1	6,89	Trung bình		
180	19002114	Bùi Ngọc	Thảo	Nữ	22/05/2001	Bến Tre	19C1-KTD1	6,51	Trung bình		B
181	19003471	Mai Anh	Thư	Nữ	26/10/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-KTD1	7,79	Khá		B
182	19002756	Phan Thị	Thuận	Nữ	26/11/1999	Ninh Thuận	19C1-KTD1	7,45	Khá	A	B
183	19003047	Lý Thị Hà	Tiên	Nữ	25/05/2001	Tây Ninh	19C1-KTD1	6,29	Trung bình		
184	19002755	Vương Thị Bích	Trâm	Nữ	25/03/2000	Tây Ninh	19C1-KTD1	7,98	Khá	A	B
185	19004114	Ngô Thị Linh	Trang	Nữ	20/01/2001	Đồng Nai	19C1-KTD1	6,45	Trung bình		
186	19003557	Hoàng Thị Thanh	Trúc	Nam	02/04/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-KTD1	6,85	Trung bình	A	
187	19004380	Hà Thúy	Vy	Nữ	30/01/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-KTD1	6,91	Trung bình	A	B
188	19002197	Văn Thành	Ái	Nam	04/12/2001	Cần Thơ	19C1-LGT1	7,14	Khá		
189	19000440	Bùi Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	25/12/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-LGT1	8,25	Giỏi	A	B
190	19002675	Tạ Chí Thành	Đạt	Nam	20/01/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-LGT1	7,76	Khá		B
191	19004063	Nguyễn Trường	Duy	Nam	02/10/2000	Tây Ninh	19C1-LGT1	7,11	Khá		B
192	19000004	Phạm Hữu	Hoàng	Nam	02/02/1993	Đồng Nai	19C1-LGT1	8,90	Giỏi	A	B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn
193	19001975	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	Nữ	09/02/2001	Đồng Tháp	19C1-LGT1	7,00	Khá	A	
194	19005166	Nguyễn Hoàng	Khang	Nam	21/05/1998	Ninh Thuận	19C1-LGT1	7,02	Khá		
195	19002867	Nguyễn Kiều Hữu	Khánh	Nam	03/10/2000	Bình Dương	19C1-LGT1	7,13	Khá		B
196	19004342	Nguyễn Đức	Long	Nam	18/07/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-LGT1	6,26	Trung bình		
197	19002788	Lê Văn	Lượng	Nam	15/05/2001	Phú Yên	19C1-LGT1	7,53	Khá	A	B
198	19002789	Trần Hoài	Nam	Nam	24/08/2001	Phú Yên	19C1-LGT1	7,46	Khá		
199	19002302	Lê Thái Minh	Nhật	Nam	15/10/2001	Bình Thuận	19C1-LGT1	7,35	Khá		
200	19004399	Nguyễn Thị Như	Nhớ	Nữ	10/10/2001	Trà Vinh	19C1-LGT1	7,29	Khá	A	
201	19004401	Đoàn Văn	Phú	Nam	12/06/2000	Vĩnh Long	19C1-LGT1	6,96	Trung bình		
202	19003544	Nguyễn Vũ Hồng	Quân	Nam	14/08/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-LGT1	7,08	Khá		B
203	19004540	Nguyễn Thị Tố	Quyên	Nữ	11/04/2000	Phú Yên	19C1-LGT1	8,21	Giỏi	A	
204	19004176	Lê Thị	Tâm	Nữ	06/09/2001	Đồng Nai	19C1-LGT1	8,02	Giỏi		
205	19000715	Nguyễn Minh	Tân	Nam	08/08/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-LGT1	7,61	Khá		
206	19001958	Nguyễn Thị Bích	Thuận	Nữ	08/01/2001	Đồng Tháp	19C1-LGT1	7,08	Khá	A	B
207	19003331	Vũ Hoàng	Việt	Nam	14/09/2001	Hung Yên	19C1-LGT1	7,02	Khá		B
208	19004631	Trần Quốc	Vỹ	Nam	16/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-LGT1	8,45	Giỏi	A	B
209	19003495	Nguyễn Ngọc	Anh	Nam	27/08/2000	Đồng Nai	19C1-QTD1	6,22	Trung bình	A	
210	19000215	Trần Thị Hồng	Đào	Nữ	10/11/2000	Tây Ninh	19C1-QTD1	7,06	Khá		
211	19002316	Hoàng Trung	Hiếu	Nam	14/08/2001	Bình Thuận	19C1-QTD1	6,91	Trung bình		
212	19004661	Trần Thị Thanh	Hoa	Nữ	17/06/2001	Đắk Lắk	19C1-QTD1	7,59	Khá		
213	19001294	Lương Thị Hồng	Huệ	Nữ	27/10/1998	Đồng Tháp	19C1-QTD1	7,16	Khá		
214	19000773	Phạm Minh	Hùng	Nam	17/03/2000	Bình Phước	19C1-QTD1	6,76	Trung bình		
215	19002685	Lê Thị Thanh	Hương	Nữ	10/09/2001	Lâm Đồng	19C1-QTD1	6,90	Trung bình	A	
216	19005162	Lê Văn	Khanh	Nữ	04/12/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-QTD1	7,59	Khá	A	B
217	19004885	Nguyễn Thị Mỹ	Lan	Nữ	27/12/2001	Bình Phước	19C1-QTD1	6,93	Trung bình	A	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn
218	19004581	Đoàn Hương	Ly	Nữ	13/08/2001	Đắk Lắk	19C1-QTD1	7,62	Khá		B
219	19003604	Nguyễn Hồng	Lý	Nữ	30/04/2001	Long An	19C1-QTD1	6,53	Trung bình		
220	19003635	Lê Thị Hồng	My	Nữ	10/11/2001	Bình Định	19C1-QTD1	6,84	Trung bình		B
221	19003148	Mai Lê Trà	My	Nữ	19/04/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-QTD1	7,45	Khá	A	
222	19005159	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	14/02/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-QTD1	7,06	Khá		B
223	19003287	Trang Thị Yến	Ngọc	Nữ	10/02/2001	Tây Ninh	19C1-QTD1	6,95	Trung bình		B
224	19004076	Lê Hồng Khánh	Nguyên	Nữ	19/07/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-QTD1	7,97	Khá		B
225	19002465	Nguyễn Hoài	Phương	Nam	20/04/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-QTD1	7,36	Khá		
226	19002073	Trần Minh	Quang	Nam	01/03/2001	Sóc Trăng	19C1-QTD1	7,21	Khá		B
227	19003031	Phạm Thị Kim	Quyên	Nữ	05/01/2000	Long An	19C1-QTD1	7,65	Khá		B
228	19001615	Nguyễn Thị Trang	Thanh	Nữ	08/12/1998	Bến Tre	19C1-QTD1	8,00	Giỏi	A	
229	19003984	Lê Nguyễn Minh	Thành	Nam	31/01/2001	Long An	19C1-QTD1	7,82	Khá		B
230	19002457	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	29/10/2001	Bến Tre	19C1-QTD1	6,78	Trung bình		B
231	19004144	Trần Thị Diễm	Trâm	Nữ	19/08/2000	Tây Ninh	19C1-QTD1	6,93	Trung bình		B
232	19003411	Nguyễn Hoàng	Tú	Nam	18/03/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-QTD1	7,24	Khá		B
233	19004320	Trần Ngọc Thúy	Vy	Nữ	07/06/2001	Bình Phước	19C1-QTD1	6,73	Trung bình		B
234	19003140	Mai Cu	A	Nam	21/05/1995	Hà Tĩnh	19C1-NNA1	7,74	Khá	A	
235	19000309	Huỳnh Thị Ngọc	Duyên	Nữ	16/09/1999	Long An	19C1-NNA1	8,85	Giỏi	A	
236	19003200	Huỳnh Thị Khánh	Hà	Nữ	12/02/2001	Long An	19C1-NNA1	8,51	Giỏi		A
237	19002071	Dương Gia	Hân	Nữ	28/01/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-NNA1	7,37	Khá	A	
238	19003661	Nguyễn Trần Ngọc	Hân	Nữ	10/10/1994	Lâm Đồng	19C1-NNA1	7,81	Khá		A
239	19004093	Đỗ Thị Thúy	Hiền	Nữ	02/10/2001	Lâm Đồng	19C1-NNA1	7,63	Khá	A	
240	19002715	Lương Trúc	Hiền	Nữ	09/09/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-NNA1	8,23	Giỏi	A	
241	19005345	Đinh Thái	Hòa	Nam	27/10/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-NNA1	8,03	Giỏi	A	
242	19005225	Nguyễn Phi	Hoàng	Nam	15/02/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-NNA1	6,96	Trung bình	A	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn
243	19001924	Lê Minh	Khoa	Nam	07/09/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-NNA1	6,92	Trung bình	A	A
244	19000826	Nguyễn Trịnh Hoài	Lâm	Nam	07/05/1999	Đắk Nông	19C1-NNA1	7,37	Khá	A	A
245	19000787	Vũ Thanh	Liêm	Nam	01/02/2000	Đồng Nai	19C1-NNA1	6,81	Trung bình		
246	19001764	Thị Mai	Linh	Nữ	16/06/2000	Bình Phước	19C1-NNA1	7,18	Khá	A	A
247	19004048	Võ Thị Hoài	Linh	Nữ	23/04/2000	Bình Định	19C1-NNA1	7,51	Khá		
248	19005030	Nguyễn Thị	Ninh	Nữ	06/07/2001	Hải Dương	19C1-NNA1	8,60	Giỏi	A	A
249	19004999	Phan Triệu	Quyên	Nữ	11/10/1999	Đồng Tháp	19C1-NNA1	8,40	Giỏi	A	A
250	19003868	Nguyễn Bé	Tâm	Nữ	06/07/2001	Tây Ninh	19C1-NNA1	7,52	Khá	A	A
251	19004079	Võ Thị Lệ	Thu	Nữ	17/04/2000	Bình Định	19C1-NNA1	7,54	Khá	A	A
252	19003061	Võ Thị Minh	Thư	Nữ	29/11/2001	Long An	19C1-NNA1	7,17	Khá	A	
253	19004264	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	28/01/2001	Bình Định	19C1-NNA1	6,99	Trung bình	A	A
254	19003301	Lê Hữu	Đan	Nam	19/10/2001	Quảng Ngãi	19C3-CCK1	6,24	Trung bình		
255	19002944	Nguyễn Phùng Hải	Đăng	Nam	04/02/2001	Bạc Liêu	19C3-CCK1	7,56	Khá		
256	19002866	Phạm Hải	Đăng	Nam	17/11/2001	Bạc Liêu	19C3-CCK1	6,33	Trung bình		
257	19004565	Lê Văn	Đức	Nam	11/05/2001	Đắk Lắk	19C3-CCK1	7,10	Khá		
258	19002307	Nguyễn Vũ Linh	Giang	Nam	14/03/2001	Lâm Đồng	19C3-CCK1	6,88	Trung bình		
259	19002182	Lê Ngọc Phước	Hòa	Nam	19/05/2001	Long An	19C3-CCK1	7,94	Khá		
260	19002364	Nguyễn Trọng	Hoàng	Nam	01/12/2001	Long An	19C3-CCK1	6,45	Trung bình		
261	19004355	Nông Tiến	Hung	Nam	15/11/2001	Bình Phước	19C3-CCK1	7,60	Khá		
262	19002983	Phạm Quang	Huy	Nam	30/09/2001	Bến Tre	19C3-CCK1	7,72	Khá		
263	19001026	Trần Hoàng	Khan	Nam	24/10/2001	Sóc Trăng	19C3-CCK1	8,20	Giỏi	A	
264	19003332	Nguyễn Nhĩ	Khang	Nam	01/01/2000	Tiền Giang	19C3-CCK1	7,93	Khá		
265	19003130	Nguyễn Văn	Luận	Nam	21/09/2001	Bến Tre	19C3-CCK1	6,61	Trung bình		
266	19002606	Huỳnh Thanh	Phương	Nam	19/02/2001	Kiên Giang	19C3-CCK1	7,61	Khá		
267	19001405	Dương Phú	Quốc	Nam	27/09/2000	Tây Ninh	19C3-CCK1	7,80	Khá		
268	19003561	Võ Ngọc	Thái	Nam	20/09/2001	Đồng Tháp	19C3-CCK1	7,23	Khá		

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn
269	19003465	Lê Văn	Thuận	Nam	19/09/2001	Bến Tre	19C3-CCK1	6,47	Trung bình		
270	19002926	Nguyễn Thanh	Toàn	Nam	04/12/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C3-CCK1	7,41	Khá	A	
271	19003463	Lê Trần Quốc	Trường	Nam	01/02/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C3-CCK1	7,98	Khá		
272	19002363	Võ Hoàng Thanh	Tú	Nam	28/06/2001	Long An	19C3-CCK1	6,77	Trung bình		
273	19004386	Nguyễn Quốc	Tuấn	Nam	18/07/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C3-CCK1	8,16	Giỏi	A	
274	19002984	Nguyễn Hữu	Vinh	Nam	23/03/2001	Bến Tre	19C3-CCK1	6,38	Trung bình		
275	19002861	Ngô Nguyên	Vũ	Nam	19/04/2001	Đắk Lắk	19C3-CCK1	7,17	Khá		

Tổng cộng danh sách có 275 sinh viên

- Giỏi: 21 7,6%
- Khá: 67 24,4%
- Trung bình: 187 68,0%

T

2/4/2021